

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 148/2023/DS-PT
Ngày: 19 – 12 - 2023
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và ông Nguyễn Duy Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T; địa chỉ: Số nhà A, hẻm G, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Ông B có mặt, bà T vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị T: Ông Hồ Quang B (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2021).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P; địa chỉ: Số nhà A đường N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Bà P có mặt, ông T1 đã chết ngày 29/9/2023).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1965; địa chỉ: Số G đường A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1968; địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T trình bày:*

Ngày 12/9/2018, vợ chồng ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Mạnh T4, bà Phạm Thị T2 01 thửa đất số 14a, tờ bản đồ số 18, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.800m², mục đích sử dụng đất ghi trong giấy chứng nhận là đất khu dân cư, tọa lạc tại thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Mạnh T4, bà Phạm Thị T2 ngày 24/11/1998. Quá trình nhận chuyển nhượng đất, hai bên có ra thực địa xem đất, trước khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T có hỏi các hộ đất giáp ranh giới thì không có tranh chấp gì, đã có hàng rào cây keo, cây chè tàu làm ranh giới đất của hộ ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P với đất hộ ông Nguyễn Mạnh T4, nên khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông bà không có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đo đạc lại. Ngày 26/5/2020, vợ chồng ông bà được công nhận là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, nhưng không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới mà chỉ đăng ký biến động trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ của ông Nguyễn Mạnh T4, bà Phạm Thị T2.

Trong quá trình vợ chồng ông bà quản lý, sử dụng canh tác từ ngày nhận chuyển nhượng ngày 12/9/2018 và làm thủ tục sang tên, thì khoảng tháng 12/2018 và ngày 27/5/2020 hộ ông T1, bà P có đất giáp ranh với đất mà ông bà mới nhận chuyển nhượng đã tự ý chặt cây keo, phá hàng chè tàu làm ranh giới đất trước đây để xây hàng rào, móng gạch, kéo lưới B40 và dây kẽm gai lấn sang đất nhà vợ chồng ông bà, diện tích lấn chiếm sau khi đo đạc thực tế khoảng 135 m². Sau khi phát hiện vợ chồng ông bà có đề nghị ông T1, bà P giữ nguyên hiện trạng ranh giới

trước đây, có báo cáo với Ban tự quản thôn để xử lý, chính quyền thôn có mời các bên hòa giải, nhưng gia đình ông T1 cố tình không hợp tác, không dừng việc xây hàng rào. Sự việc đã được hòa giải tại UBND thị trấn B, huyện K nhưng không thành.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho mình, nay ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P tháo dỡ hàng rào, di dời cây trồng trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho gia đình ông bà là 135 m², đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông T1, bà P dài 70,18 m; Phía Tây giáp đất ông B, bà T dài 69,98m; Phía Nam giáp đất ông T1, bà P rộng 3 m; Phía Bắc giáp đất ông T1, bà P rộng 1,5 m nằm trong diện tích 4.800 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 574880, thửa đất số 3d, tờ bản đồ số 18, do UBND huyện K cấp ngày 24/11/1998 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh T4 và đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T vào ngày 26/5/2020.

** Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P trình bày:*

Năm 1994, gồm có hộ gia đình ông T1, bà P; hộ ông Nguyễn Mạnh T4; hộ bà Nguyễn Thị T5; hộ ông Nguyễn Mạnh C cùng mua chung diện tích đất 18.000 m² thông qua đấu giá của Ủy ban nhân dân huyện K. Sau đó các bên thống nhất chia làm 04 suất, mỗi suất 4.000 m² cho 04 hộ. Còn diện tích đất 2.000 m² thì thống nhất bán riêng cho 02 gia đình, gia đình ông bà mua 1.000 m², gia đình bà H mua 1.000 m². Năm 1998 gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.000 m², thửa đất này giáp ranh với thửa đất của hộ ông Nguyễn Mạnh T4, bà Phạm Thị T2, hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T (đối tượng tranh chấp là ranh giới của hai thửa đất trên).

Năm 2017, gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích khi mua là 1.000 m², nhưng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 977 m². Tuy các thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng nhưng ranh giới hai thửa đất đã nhập lại, hiện không còn bờ ranh.

Đối với nguồn gốc hàng rào xây dựng hiện đang tranh chấp thì năm 2017 gia đình ông bà tiến hành xây dựng hàng rào, cụ thể mới chôn trụ bê tông, kéo dây

kẽm gai, đến năm 2019 tiếp tục xây móng gạch, kéo lưới B40 kéo thêm dây kẽm gai.

Việc ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T1, bà P trả lại 135m² đất thì ông bà không chấp nhận. Vì gia đình ông bà hoàn toàn không có lần chiếm diện tích đất của hộ ông Nguyễn Mạnh T4, bà Phạm Thị T2 sau này chuyển nhượng cho ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T.

** Người làm chứng bà Phạm Thị T2 khai:*

Về nguồn gốc đất vợ chồng bà chuyển nhượng cho ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất vào năm 1994, quá trình sử dụng từ năm 1994 đến năm 2018 giữa gia đình bà với gia đình ông T1, bà P không có tranh chấp gì về ranh giới đất.

Vào năm 2018 gia đình bà có chuyển nhượng lô đất cho vợ chồng ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T. Trong quá trình sang nhượng đất không có tranh chấp đất gì với vợ chồng ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P, đến khoảng năm 2019 gia đình ông T1, bà P mới lần đất cụ thể như đơn khởi kiện của ông B, bà T trình bày. Quá trình giao đất thực địa chưa có tranh chấp nhưng vào khoảng tháng 5/2020 giữa bên chuyển nhượng vợ chồng bà với bên nhận chuyển nhượng vợ chồng ông B, bà T có mời vợ chồng ông T1, bà P ra chứng kiến để chỉ ranh giới lại lần nữa nhưng ông T1 không ra mà chỉ có một mình bà P ra nhưng không đồng ý với ranh giới giữa các bên và không di dời hàng rào, cây cối phần lần chiếm đất để trả lại diện tích đất lần chiếm cho vợ chồng ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T.

Ý kiến của bà đã chuyển nhượng cho gia đình ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.800m² (diện tích đất này bà nhận chuyển nhượng của Nhà nước), nay diện tích đất của vợ chồng ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T thiếu, còn đất của ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P dư ra; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho gia đình ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T.

** Người làm chứng ông Nguyễn Đức T3, ông Nguyễn Đình D khai:*

Ông T3, ông D biết sau khi vợ chồng ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh T4, bà Phạm Thị T2 vào năm 2018 thì có xảy ra tranh chấp lần chiếm đất giữa hộ ông Hồ Quan

B, bà Trương Thị T với hộ ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P. Vào ngày 23/7/2020, hộ ông Hồ Quan B và ông Võ Văn T1 mời bà Phạm Thị T2 là chủ cũ đã chuyển nhượng đất cho ông B và cùng với ông Nguyễn Đình T6 trưởng ban an ninh thôn, ông Nguyễn Đức T3, ông Nguyễn Đình D đến chứng kiến mốc ranh giới giữa hai gia đình theo bà Phạm Thị T2 chỉ như sau: Từ giáp đất ông T1 đoạn cuối từ đoạn lưới B40 có cọc bê tông xây dựng trước khoảng 3 tháng trước với chiều dài 48,2m (chiều rộng đoạn đuôi 3m, đoạn đầu 1,4m) đoạn tiếp theo mới xây dài 26,6m đến hết ranh ông T1 và ông B (chiều rộng 1,4m). ông T3, ông D chỉ chứng kiến bà Phạm Thị T2 chỉ ranh giới đất như trên còn việc lấn chiếm ranh giới đất giữa hai gia đình ông B và gia đình ông T1 như thế nào thì ông T3, ông D không biết. Do bận công việc nên các ông xin vắng mặt và đề nghị Tòa án không triệu tập các ông tham gia hòa giải, đối chất và xét xử.

Ý kiến của ông T3, ông D đối với việc tranh chấp trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DSST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã quyết định.

[1]. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147 khoản 2 Điều 165, Điều 241, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, Điều 163, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 189, Điều 579 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Quan B, bà Trương Thị T. Buộc vợ chồng ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P trả lại cho vợ chồng Hồ Quan B, bà Trương Thị T diện tích đất đo đạc thực tế là 135m², đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông T1, bà P dài 70,18 m; Phía Tây giáp đất ông B, bà T dài 69,98m; Phía Nam giáp đất ông T1, bà P rộng 3 m; Phía Bắc giáp đất ông T1, bà P rộng 1,5 m. Buộc vợ chồng ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích đất gồm tường rào, trụ bê tông, lưới B40, dây kẽm gai, trụ sắt V4 và di dời cây trồng trên đất gồm 19 cây cau, 34 cây đinh lăng, 02 cây chuối, 01

cây sưa, 01 cây ca cao (có sơ đồ theo Trích đo địa chính thửa đất ngày 29/6/2022 của Công ty TNHH Đ kèm theo) và chịu mọi chi phí tháo dỡ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2023 ông Võ Văn T1 và bà Đỗ Thị P kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 14/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số: 396/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 397/QĐ-VKS-DS ngày 14/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana;

- Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DSST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện

Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk thấy rằng:

Nguồn gốc thửa đất các bên tranh chấp do gia đình ông Võ Văn T1, bà Đỗ Thị P, gia đình ông Nguyễn Mạnh T4 bà Phạm Thị T2, gia đình ông Nguyễn Mạnh C, gia đình bà Nguyễn Thị C1 mua đấu giá của UBND huyện K với tổng diện tích 16.000m², chia mỗi gia đình 4.000m². Đến năm 1998 thì hộ ông T1 và các hộ mua chung được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Ngoài ra ông T1, bà P có thêm 1.000m² đất được hộ ông T1 mua riêng. Quá trình sử dụng đất các bên không tranh chấp. Đến năm 2018 thì ông B, bà T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Mạnh T4, bà Phạm Thị T2. Đến ngày 27/5/2020 thì phát sinh tranh chấp giữa ông B với hộ ông T1, bà P. Ông B cho rằng ông T1, bà P xây hàng rào lấn chiếm diện tích đất 135m².

Như vậy, Nguồn gốc thửa đất các bên tranh chấp do gia đình ông T1, bà P, gia đình ông Nguyễn Mạnh T4 bà Phạm Thị T2, gia đình ông Nguyễn Mạnh C, gia đình bà Nguyễn Thị C1 mua đấu giá của UBND huyện K với tổng diện tích 16.000m², chia mỗi gia đình 4.000m². Bản án sơ thẩm nhận định diện tích đất của nguyên đơn còn thiếu so với GCNQSDĐ nên xác định bị đơn lấn chiếm đất là chưa đủ cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, thực tế hiện nay không có hồ sơ cấp đất, bản đồ địa chính, hồ sơ giải thửa là các tài liệu để chứng minh việc cấp GCNQSDĐ của các bên có đo đạc, cắm mốc ranh giới hay không? Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác định được vị trí ranh giới giữa hai thửa đất đang tranh chấp như thế nào. Do vậy, không có căn cứ để xác định việc xây hàng rào không đúng ranh giới và lấn chiếm đất của bị đơn đối với nguyên đơn.

Ngoài ra, Biên bản xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K (BL143) không xác định được các cạnh của thửa đất, vì khi cấp GCNQSDĐ đất dựa trên bản đồ địa chính chính cũ. Quá trình giải quyết vụ án, sau khi có kết quả đo đạc của Công ty TNHH Đ thì hiện trạng diện tích đất không đúng với GCNQSDĐ đất được cấp. Tòa án xác minh tại UBND thị trấn B thì UBND thị trấn B xác định

về hình dạng thửa đất của ông B không đúng với GCNQSD đất cấp cho ông T4, còn thửa đất của ông T1 không có trong bản đồ địa chính. Vì những vấn đề không rõ ràng như trên nên cần phải làm việc với UBND huyện K là cơ quan bán đấu giá đất để làm rõ nguồn gốc đất, để xác định khi bán đấu giá đất diện tích ông T4, bà T2 mua là bao nhiêu, các bên có đo đạc cắm mốc, xác định ranh giới khi giao đất hay không?

Bản án sơ thẩm chỉ dựa vào diện tích đất của nguyên đơn còn thiếu so với GCNQSD đất nên xác định bị đơn lấn đất mà chưa thu thập đầy đủ, nguồn gốc đất, hồ sơ cấp đất, bản đồ địa chính, sơ đồ giải thửa để chứng minh việc cấp GCNQSD đất của các bên có đo đạc, cắm mốc ranh giới hay không mà đã buộc bị đơn trả đất cho nguyên đơn diện tích 135m² là chưa đủ căn cứ.

Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định ranh giới trước đây có các cây to tuy nhiên khi tiến hành xem xét thẩm định không thể hiện hiện các gốc cây này còn hay không?

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị P cung cấp trích lục khai tử thể hiện bị đơn ông Võ Văn T1 đã chết vào ngày 29/9/2023. Xét đây là tình tiết mới phát sinh cần thiết đưa những người thuộc hàng thừa kế của ông T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 74 BLTTDS.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan. Bị đơn ông Võ Văn T1 đã chết vào ngày 29/9/2023 cần đưa những người thuộc hàng thừa kế của ông T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đây là tình tiết mới phát sinh cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị P và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DSST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được xác định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4]Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị P và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DSST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được xác định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Đỗ Thị P đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0015548 ngày 20/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng